

Bản án số: 133/2022/DS-ST

Ngày: 18-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

2. Bà Mai Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/DSST ngày 17 tháng 06 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y V; (Có mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Xuân P và bà Ngô Ngọc Q; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Ngày 09/05/2011, bà V có cho ông P và bà Q vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng), không lãi suất. Đến ngày 20/11/2011 ông P và bà Q đã trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả hết số tiền còn lại là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) nhưng ông P và bà Q không thực hiện.

Đến ngày 30/04/2021 ông P và bà Q cùng ký giấy cam kết trả nợ cho bà V số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trong thời gian sớm nhất. Bà V đã thông báo yêu cầu ông P và bà Q trả nợ nhiều lần nhưng ông P và bà Q không thực hiện.

Nay, bà V yêu cầu ông P và bà Q trả lại số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Bị đơn - Bà Q vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Bà Q xác nhận vợ chồng bà (ông P và bà Q) có vay tiền của bà V, cụ thể vào ngày 09/05/2011, bà V có cho vợ chồng bà (ông P và bà Q) vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng), không lãi suất. Đến ngày 20/11/2011 vợ chồng bà (ông P và bà Q) đã trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả hết số tiền còn lại là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) nhưng do điều kiện kinh tế nên chưa trả cho bà V.

Đến ngày 30/04/2021 vợ chồng bà (ông P và bà Q) cùng ký giấy cam kết trả nợ cho bà V số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trong thời gian sớm nhất. Sau đó thì bà V có yêu cầu vợ chồng bà trả nợ nhiều lần nhưng chưa có tiền để trả cho bà V.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông P và bà Q trả lại số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thì bà Q đề nghị trả số tiền trên trong thời hạn 01 năm.

3. Bị đơn - Ông P vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Ông P xác nhận ông và bà Q còn nợ bà V 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng) và có ý kiến xin thời gian trả nợ vào tháng 12/2022, nhưng bà V không đồng ý.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: bị đơn phải chịu nhưng bị đơn là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với ông P và bà Q; địa chỉ: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông P và bà Q vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà V đòi ông P và bà Q trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Ngày 09/05/2011, bà V có cho ông P và bà Q vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng), không lãi suất. Đến ngày 20/11/2011 ông P và bà Q đã trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả hết số tiền còn lại là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng). Đến ngày 30/04/2021 ông P và bà Q cùng ký giấy cam kết trả nợ cho bà V số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trong thời gian sớm nhất. Đến nay, ông P và bà Q chưa trả cho bà V số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Xét hợp đồng vay tiền nêu trên là sự thỏa thuận của hai bên là giao dịch hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464 và 465 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận, đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hồ sơ cũng không có tài liệu, chứng cứ xác định bị đơn đã trả số tiền còn nợ nêu trên cho nguyên đơn.

[8] Do đó, bà V yêu cầu ông P và bà Q trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, cần buộc ông P và bà Q phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ nêu trên cho bà V theo quy định tại Điều 288 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[10] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[11] Bị đơn ông P và bà Q là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị được miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 464, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V:

Buộc ông P và bà Q phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông P và bà Q được miễn tiền án phí.

- Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0042711 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông P và bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương

